

Số: 25/2011/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2011

## THÔNG TƯ

### **Về việc thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định tại các văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngoại hối như sau:

**Điều 1. Bổ sung quy định đối với các thủ tục về quản lý vay, trả nợ nước ngoài để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 7 mục II Phần A của Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Thủ tục xác nhận đăng ký khoản vay trung, dài hạn nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả:

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày:

- Ký hợp đồng vay vốn nước ngoài trung, dài hạn (không bao gồm vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế) hoặc kể từ ngày văn bản bảo lãnh được ký (trong trường hợp khoản vay có bảo lãnh);

- Ký hợp đồng gia hạn khoản vay ngắn hạn mà tổng thời gian gia hạn và thời gian đã vay ngắn hạn là trên 1 năm.

Bên đi vay là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (trừ ngân hàng thương mại nhà nước), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi chung là “doanh nghiệp”) lập 01 bộ hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến:

- Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) đối với các khoản vay có kim ngạch vay từ trên 10 triệu USD (hoặc loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương);

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với các khoản vay có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương).

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ:

- Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký đối với các khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp có kim ngạch vay trên 10 triệu USD (hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương tại thời điểm ký kết hợp đồng vay). Trường hợp từ chối xác nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính xác nhận đăng ký đối với các khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương tại thời điểm ký kết hợp đồng vay). Trường hợp từ chối xác nhận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký khoản vay trung, dài hạn nước ngoài (theo phụ lục số 01.ĐGH kèm theo Thông tư này);

- Bản sao được chứng thực từ bản chính hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) như Quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoạt động, hoặc văn bản liên quan khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao được chứng thực văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư hoặc Phương án sản xuất kinh doanh (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã có giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư đối với dự án đầu tư cụ thể);

- Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt hợp đồng vay nước ngoài đã ký (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp về tính chính xác của bản dịch);

- Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt (trường hợp bản gốc bằng tiếng nước ngoài) văn bản bảo lãnh của bên bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài (có xác

nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp về tính chính xác của bản dịch);

- Ngoài các hồ sơ trên:

+ Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước vay trung, dài hạn nước ngoài phải có văn bản đồng ý của Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành về việc thực hiện khoản vay trung, dài hạn nước ngoài;

+ Các doanh nghiệp đăng ký cho khoản vay trung, dài hạn được gia hạn từ khoản vay ngắn hạn phải có: Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt hợp đồng gia hạn khoản vay ngắn hạn nước ngoài thành khoản vay trung, dài hạn nước ngoài (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp về tính chính xác của bản dịch) và văn bản của ngân hàng thương mại (nơi doanh nghiệp mở tài khoản thực hiện khoản vay) xác nhận tình hình thực hiện khoản vay (rút vốn, trả nợ) đến thời điểm khoản vay nước ngoài ngắn hạn được gia hạn thành trung, dài hạn.

2. Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay trung, dài hạn nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả:

a) Trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản vay của doanh nghiệp được nêu tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký thoả thuận thay đổi và trước khi nội dung thay đổi có hiệu lực doanh nghiệp phải lập 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) đối với các khoản vay có kim ngạch vay từ trên 10 triệu USD (hoặc loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương);

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với các khoản vay có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương).

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ:

- Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi đối với các khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp có kim ngạch vay trên 10 triệu USD (hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương tại thời điểm ký kết hợp đồng vay). Trường hợp từ chối xác nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính xác nhận đăng ký thay đổi đối với các khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương tại thời điểm ký kết hợp đồng vay). Trường hợp từ chối xác nhận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (theo phụ lục số 02.ĐGH kèm theo Thông tư này);

- Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) thoả thuận thay đổi đã ký;

- Văn bản chấp thuận của Bên bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp về những thay đổi (trong trường hợp doanh nghiệp được bảo lãnh).

**Điều 2. Bổ sung quy định đối với thủ tục Cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-NHA-001783-TT) để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 8 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành: “Cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với người cư trú là tổ chức kinh tế có chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài hoặc có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận vốn vay nước ngoài, để thực hiện cam kết, hợp đồng với bên nước ngoài”.

2. Quy định về quy trình thực hiện thủ tục:

a) Tổ chức kinh tế có chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài hoặc có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận vốn vay nước ngoài, để thực hiện cam kết, hợp đồng với bên nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối);

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài. Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đối với tổ chức kinh tế mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn xin cấp phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ nước ngoài (theo mẫu tại phụ lục số 03.ĐGH kèm theo Thông tư này);

+ Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam về việc cho phép hoặc xác nhận đăng ký việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài (kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực);

+ Dự toán chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài và văn bản của Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc người được ủy quyền phê duyệt kinh phí hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;

+ Quy chế tổ chức hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài (nếu có);

+ Các giấy tờ khác liên quan.

- Đối với tổ chức kinh tế Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các khoản vay vốn trung, dài hạn và bên cho vay yêu cầu phải mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để quản lý nguồn vốn vay và theo dõi việc trả nợ, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn xin cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (theo mẫu tại phụ lục số 03.ĐGH kèm theo Thông tư này);

+ Bản sao được chứng thực Quyết định thành lập doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư;

+ Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp hợp đồng vay vốn đã ký với phía nước ngoài;

+ Văn bản chứng minh bên cho vay nước ngoài yêu cầu phải mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài, giải trình mục đích thu, chi trên tài khoản, thời hạn duy trì tài khoản.

- Đối với tổ chức kinh tế mở tài khoản để thực hiện các cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn xin cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (mẫu tại phụ lục số 03.ĐGH kèm theo Thông tư này);

+ Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt được chứng thực văn bản ký với nước ngoài về việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài;

+ Văn bản của bên nước ngoài yêu cầu phải mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực) trong trường hợp điều khoản này không có trong cam kết, thỏa thuận;

+ Các giấy tờ khác có liên quan.

- Đối với việc mở tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài của các Doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; Doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức BOT, BTO, BT cần mở tài khoản ở nước ngoài để thực hiện các cam kết, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn xin cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (mẫu tại phụ lục số 04.ĐGH kèm theo Thông tư này);

+ Văn bản giải trình sự cần thiết mở tài khoản ở nước ngoài và các tài liệu chứng minh (bản tiếng nước ngoài và bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp trong trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài);

+ Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư ;

+ Dự kiến nội dung thu, chi ngoại tệ hàng tháng trên tài khoản mở ở nước ngoài.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Thông tư số 03/2008/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối của Tổ chức tín dụng để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 12 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 6:

“b) Có trang thiết bị và điều kiện vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hiện các dịch vụ ngoại hối trong nước như: Hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động ngoại hối, các thiết bị lưu trữ thông tin, dữ liệu, có các phần mềm hỗ trợ việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngoại hối như thanh toán, kiểm soát rủi ro; có các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như: máy tính, bàn ghế, điện thoại, máy fax, hệ thống ghi âm cho toàn bộ các giao dịch ngoại hối.

c) Cán bộ điều hành và cán bộ nghiệp vụ có trình độ tối thiểu tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế, ngân hàng, tài chính; hoặc có bằng đại học ngoài các ngành nêu trên nhưng phải có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; có khả năng tiếng Anh đạt trình độ B trở lên để có thể giao tiếp, đọc, nghiên cứu thông tin liên quan đến giao dịch ngoại hối; được tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác đào tạo từ 03 tháng trở lên kiến thức kinh doanh và quản lý rủi ro với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 7:

“b) Có trang thiết bị và điều kiện vật chất đáp ứng được yêu cầu cung ứng các dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế như: Hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế, các thiết bị lưu trữ thông tin, dữ liệu, có các phần mềm hỗ trợ việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngoại hối như thanh toán, kiểm soát rủi ro; có các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như: máy tính, bàn ghế, điện thoại, máy fax, hệ thống ghi âm cho toàn bộ các giao dịch ngoại hối.

c) Đủ cán bộ có năng lực và am hiểu nghiệp vụ cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế. Cụ thể:

- Đối với các nghiệp vụ: Cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế; thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại hối trên thị trường nước ngoài, thực hiện hoạt động xuất, nhập khẩu vàng theo quy định của Ngân hàng nhà nước: Cán bộ điều hành và cán bộ nghiệp vụ có trình độ tối thiểu tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế, ngân hàng, tài chính; hoặc có bằng đại học ngoài các ngành nêu trên nhưng phải có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; có khả năng tiếng Anh đạt trình độ B trở lên để có thể giao tiếp, đọc, nghiên cứu thông tin liên quan đến giao dịch ngoại hối; được tổ chức tín

dụng hoặc tổ chức khác đào tạo từ 03 tháng trở lên về kiến thức kinh doanh và quản lý rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối.

- Đối với các nghiệp vụ: Thực hiện vay, cho vay, đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; thực hiện các nghiệp vụ thị trường tiền tệ ở nước ngoài (đầu tư, nhận tiền gửi kỳ hạn dưới 1 năm ...); thực hiện các giao dịch phái sinh ở nước ngoài: Cán bộ điều hành và cán bộ nghiệp vụ có trình độ tối thiểu tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế, ngân hàng, tài chính có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; hoặc có bằng đại học ngoài các ngành nêu trên nhưng phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; có khả năng tiếng Anh đạt trình độ C trở lên; được đào tạo từ 06 tháng trở lên về kiến thức kinh doanh và quản lý rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối.”.

3. Sửa đổi khoản 14: “14. Tổ chức tín dụng có nhu cầu cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước, thị trường quốc tế lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện, Giấy xác nhận đăng ký hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối. Các văn bản, giấy tờ trong bộ hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao do người có thẩm quyền của tổ chức tín dụng xác nhận và cam kết chịu trách nhiệm về văn bản đó. Trường hợp bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.”

**Điều 4. Bổ sung quy định đối với thủ tục Cấp giấy phép cho tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép (B-NHA-001804-TT) để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 13 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Sửa đổi tên thủ tục hành chính thành: “Xác nhận cho tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép”.

2. Quy định về quy trình thực hiện thủ tục:

a) Tổ chức kinh tế có nhu cầu làm đại lý chi trả ngoại tệ và được tổ chức tín dụng uỷ quyền làm đại lý chi trả ngoại tệ lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.

b) Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn xem xét xác nhận việc đăng ký. Trong trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản giải thích rõ lý do.

c) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký làm đại lý chi trả ngoại tệ (theo mẫu tại phụ lục số 05.ĐGH kèm theo Thông tư này);

- Hợp đồng nguyên tắc làm đại lý với tổ chức tín dụng được phép;

- Bản sao được chứng thực quyết định thành lập tổ chức kinh tế, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư, Giấy phép hoạt động.

d) Đề được xác nhận làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

- Có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ chi trả ngoại tệ;

- Được tổ chức tín dụng được phép uỷ quyền làm đại lý chi trả ngoại tệ.

**Điều 5. Bổ sung quy định đối với thủ tục Cấp giấy phép mang tiền của nước có chung biên giới và Đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài (B-NHA-001849-TT) để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 14 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Cá nhân có nhu cầu mang tiền của nước có chung biên giới và Đồng Việt Nam vượt mức quy định phải khai báo hải quan cửa khẩu hoặc vượt quá số mang vào đã kê khai hải quan cửa khẩu khi nhập cảnh lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố uỷ quyền để được cấp giấy phép mang tiền của nước có chung biên giới và Đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố uỷ quyền cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố uỷ quyền có văn bản giải thích lý do.

3. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép mang tiền của nước có chung biên giới và Đồng Việt Nam ra nước ngoài (theo mẫu tại phụ lục số 06.ĐGH kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao giấy thông hành xuất nhập cảnh hoặc giấy chứng minh biên giới;

c) Các giấy tờ liên quan đến nhu cầu chi tiêu ở nước ngoài (đối với cá nhân là công dân Việt Nam) hoặc có các giấy tờ chứng minh thu nhập hợp pháp tại Việt Nam (đối với cá nhân là công dân của nước có chung biên giới).

4. Điều kiện để cấp giấy phép:

a) Cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh bằng giấy thông hành xuất nhập cảnh hoặc giấy chứng minh biên giới;



b) Có nhu cầu chi tiêu ở nước ngoài (đối với cá nhân là công dân Việt Nam) hoặc có thu nhập hợp pháp tại Việt Nam (đối với cá nhân là công dân nước có chung biên giới).

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc ban hành kèm theo Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 15 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10:

“ 2. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép thu CNY tiền mặt:

a) Các doanh nghiệp nêu tại Khoản 1 Điều này có nhu cầu thu Nhân dân tệ tiền mặt lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở để được cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt. Hồ sơ gồm:

- Đơn xin cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt (theo mẫu tại Phụ lục 01 văn bản này);

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép doanh nghiệp bán hàng miễn thuế hoặc kinh doanh dịch vụ cho người nước ngoài.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố sẽ xem xét và cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt cho doanh nghiệp theo mẫu Phụ lục 2. Trong trường hợp từ chối cấp phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản giải thích lý do.”.

2. Phụ lục số 07.ĐGH, 08.ĐGH đính kèm Thông tư này thay thế Phụ lục 01, 02 đính kèm Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc ban hành kèm theo Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Chương II Quy chế đại lý đổi ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 18 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

“1. Các tổ chức sau khi đã ký hợp đồng làm Đại lý đổi ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép lập 01 bộ hồ sơ và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi có nhu cầu đặt Đại lý đổi ngoại tệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ”.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 3 Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá, dịch vụ, đầu tư và viện trợ giữa Việt Nam và Lào ban hành kèm theo Quyết định số 845/2004/QĐ-NHNN**

**ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 19 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

“a) Việc cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ở ngân hàng tại Lào chỉ áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam mở tài khoản tại Lào để thực hiện các cam kết, thoả thuận với Lào trong trường hợp việc mở tài khoản trong nước không thể đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của cam kết, thoả thuận đã ký kết.

Các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu mở tài khoản VND, tài khoản LAK tại Lào để thực hiện dự án hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính để được xem xét, cấp Giấy phép mở tài khoản VND, Giấy phép mở tài khoản LAK ở ngân hàng tại Lào. Hồ sơ gồm:

- Đơn xin cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng tại Lào (Phụ lục 1).

- Bản sao được chứng thực Quyết định thành lập tổ chức, doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc Giấy phép đầu tư hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam giao nhiệm vụ thực hiện dự án viện trợ, dự án khác.

- Cam kết hoặc thoả thuận đã ký kết với phía Lào, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải mở và sử dụng tài khoản ở ngân hàng tại Lào để thực hiện cam kết, thoả thuận đã ký kết.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét, cấp giấy phép cho các tổ chức, doanh nghiệp (Phụ lục 2). Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố phải có văn bản giải thích rõ lý do.

b) Các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam chỉ sử dụng tài khoản VND, tài khoản LAK mở tại các Ngân hàng tại Lào để phục vụ cho các mục đích liên quan đến hoạt động xuất khẩu với Lào, thực hiện các khoản thu chi liên quan đến hoạt động viện trợ, đầu tư hoặc các hoạt động được phép khác tại Lào”.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ban hành kèm theo Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 20 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

“1. Việc sử dụng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt để thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia chỉ được áp dụng trong trường hợp thương nhân của hai bên không thể thanh toán qua Ngân hàng và chỉ được áp dụng cho thương nhân Việt Nam được nhận thanh

toán bằng ngoại tệ tiền mặt thông qua việc bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ cho thương nhân Campuchia, không áp dụng cho thương nhân Việt Nam được dùng ngoại tệ tiền mặt thanh toán cho hàng hoá nhập khẩu và cung ứng dịch vụ từ phía Campuchia.

Khi có nhu cầu thu ngoại tệ tiền mặt, thương nhân Việt Nam lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi thương nhân đặt trụ sở để được cấp Giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

- Đơn xin phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia (theo mẫu tại Phụ lục 1);

- Bản sao được chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (đối với doanh nghiệp xin cấp giấy phép lần đầu);

- Bản sao văn bản chấp nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp hàng hoá tạm ngừng xuất khẩu và hàng hoá xuất khẩu có điều kiện;

- Bản sao hợp đồng thương mại đã ký với thương nhân Campuchia có thoả thuận phương thức thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt (có xác nhận của Thủ trưởng doanh nghiệp).

Sau khi nhận đủ hồ sơ của thương nhân Việt Nam xin được thu ngoại tệ tiền mặt, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét và giải quyết. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố được quyền ký giấy phép cho thu các khoản tiền dưới mức 500.000 USD (năm trăm nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương cho mỗi một hợp đồng. Đối với các hợp đồng có giá trị từ 500.000 USD trở lên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đến Vụ Quản lý ngoại hối - Ngân hàng Nhà nước xem xét giải quyết.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối- Ngân hàng Nhà nước cấp theo thẩm quyền hoặc không cấp giấy phép cho doanh nghiệp được thu ngoại tệ tiền mặt (theo mẫu giấy phép tại Phụ lục 2). Trường hợp từ chối cấp giấy phép, phải có văn bản giải thích lý do.

Thương nhân Việt Nam phải nộp số ngoại tệ tiền mặt thu được vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ của mình tại Ngân hàng được phép trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ngoại tệ tiền mặt được mang về nước theo xác nhận của Hải quan cửa khẩu.

Khi nộp ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản, ngoài giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt được cấp, thương nhân Việt Nam phải nộp cho Ngân hàng thương mại các giấy tờ sau:

- Bản chính tờ khai hải quan (có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số ngoại tệ mang từ nước ngoài vào);

- Bản sao tờ khai hàng hoá xuất khẩu (nộp sau khi xuất hàng).”

**Điều 10. Bổ sung quy định đối với thủ tục cho phép mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa (B-NHA-042669-TT) để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 21 mục II Phần A của Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Công dân của nước có chung biên giới với Việt Nam có đăng ký kinh doanh tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu, nếu được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép đi vào các tỉnh trong nội địa, có nhu cầu mang theo tiền của nước có chung biên giới với mục đích mang theo người hoặc để bán cho Ngân hàng được phép lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới trên địa bàn.

2. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới trên địa bàn cấp hoặc không cấp Giấy chấp thuận cho mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa. Trường hợp không cấp Giấy chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới trên địa bàn phải có văn bản thông báo rõ lý do.

3. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Giấy đề nghị chấp thuận mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa (theo mẫu tại phụ lục số 09.ĐGH kèm theo Thông tư này);
- b) Giấy phép vào các tỉnh trong nội địa do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trường hợp nộp bản sao thì phải mang bản gốc để đối chiếu);
- c) Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh.

**Điều 11. Bổ sung quy định đối với thủ tục xác nhận đăng ký tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (B-NHA-001907-TT) để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 22 mục II Phần A của Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:**

1. Tổ chức tín dụng, doanh nghiệp được phép đầu tư ra nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ đăng ký tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xác nhận việc mở tài khoản và đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài để nhà đầu tư Việt Nam làm cơ sở chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài thực hiện dự án đầu tư thông qua tài khoản đã mở ở ngân hàng được phép.

3. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại phụ lục số 10.ĐGH kèm theo Thông tư này);
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao được chứng thực);

c) Giấy phép đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (Bản sao được chứng thực);

d) Văn bản chấp thuận đầu tư do nước tiếp nhận đầu tư cấp (kèm bản dịch tiếng Việt có dấu và chữ ký xác nhận của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc);

đ) Văn bản quy định tiến độ góp vốn đầu tư (ghi trong điều lệ hoặc hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư phê duyệt (nếu có) hoặc bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của doanh nghiệp được phép đầu tư ra nước ngoài).

4. Tiếp nhận hồ sơ và xác nhận việc mở tài khoản và đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

a) Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với tổ chức tín dụng. Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc mở tài khoản và đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng.

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính tiếp nhận hồ sơ và xác nhận việc mở tài khoản và đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với doanh nghiệp.

**Điều 12. Bổ sung quy định đối với thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức kinh tế làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ (B-NHA-001818-TT) để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 13 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP như sau:**

1. Quy trình thực hiện thủ tục:

a) Tổ chức kinh tế xin cấp giấy phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn xem xét cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép, trường hợp từ chối cấp giấy phép phải có văn bản giải thích rõ lý do.

c) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục số 11.ĐGH kèm theo Thông tư này);

- Hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài;

- Phương án về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh (trường hợp tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ tại chi nhánh);

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài.

2. Yêu cầu, điều kiện đối với tổ chức kinh tế xin cấp giấy phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ:

- a) Được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- b) Có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- c) Có thoả thuận với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- d) Có Phương án về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

3. Hiệu lực của Giấy phép là 05 năm kể từ ngày ký.

**Điều 13.** Bãi bỏ quy định đối với thủ tục hành chính Xác nhận đăng ký mở tài khoản góp vốn, mua cổ phần bằng Đồng Việt Nam mở tại ngân hàng thương mại của nhà đầu tư nước ngoài (B-NHA-001939-TT) để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại khoản 15 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP.

#### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **14** tháng 10 năm 2011.

#### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 15;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, VP7.

**THỐNG ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN BÌNH**

## Phụ lục số 01.ĐGH

TÊN DOANH NGHIỆP  
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đăng ký khoản vay  
trung, dài hạn nước ngoài

....., ngày..... tháng ..... năm.....

### ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
hoặc: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh.....

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý vay, trả nợ nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thực hiện qui chế;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định;

Căn cứ Hợp đồng vay vốn đã ký với Bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày .../.../.....;

Căn cứ Thư bảo lãnh ngày .../ .../.... hoặc Hợp đồng bảo lãnh đã ký ngày .../.../.....

Doanh nghiệp có tên sau đây đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của Doanh nghiệp như sau:

### PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### I. Thông tin về Bên đi vay:

1. Tên doanh nghiệp vay: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: .....
4. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền: .....
5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh...) số.....do .....cấp ngày.....
6. Phạm vi hoạt động hợp pháp của doanh nghiệp
7. Tổng số vốn đầu tư (áp dụng với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoặc tổng số vốn điều lệ (đối với loại hình doanh nghiệp khác) của doanh nghiệp:
8. Loại hình doanh nghiệp (xác định theo các văn bản thành lập doanh nghiệp):
9. Tình hình dư nợ tại thời điểm làm hồ sơ đăng ký:

- Dự nợ vay ngắn hạn nước ngoài: ..... (trong đó quá hạn: .....)
- Dự nợ vay ngắn hạn trong nước: ..... (trong đó quá hạn: .....)
- Dự nợ vay trung dài hạn nước ngoài: ..... (trong đó quá hạn: .....)
- Dự nợ vay trung dài hạn trong nước: ..... (trong đó quá hạn: .....)

**II. Thông tin về Bên cho vay** (Trường hợp nhiều bên cho vay, ghi rõ các thông tin sau đối với từng bên cho vay):

1. Tên Bên cho vay: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Quốc gia chủ nợ: .....
4. Loại hình Bên cho vay: .....
5. Quan hệ với bên cho vay (quan hệ đại lý, Công ty mẹ...) .....

**III. Thông tin về các Bên liên quan khác:**

1. Bên bảo lãnh:
  - 1.1. Tên đơn vị bảo lãnh: .....
  - 1.2. Địa chỉ Bên bảo lãnh: .....
2. Bên bảo hiểm:
  - 2.1. Tên đơn vị bảo hiểm: .....
  - 2.2. Địa chỉ Bên bảo hiểm: .....
3. Tổ chức tín dụng được phép
  - 3.1. Tên TCTD được phép: .....
  - 3.2. Địa chỉ TCTD được phép: .....
  - 3.3. Số Tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mở tại TCTD được phép:
4. Các bên liên quan khác (ghi rõ tên, địa chỉ, liên quan trong khoản vay - nếu có) .....

**PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ MỤC ĐÍCH VAY**

1. Mục đích vay (tài trợ dự án, nhập khẩu hàng hoá, thanh toán dịch vụ, thuê tài chính...): .....
2. Tên dự án đầu tư sẽ sử dụng khoản vay:
3. Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của dự án đầu tư (phê duyệt dự án, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...):
4. Địa phương, nơi khoản vay sẽ được sử dụng:

**PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ KHOẢN VAY:**

1. Ngày ký Hợp đồng vay nước ngoài: .....
2. Ngày Hợp đồng có hiệu lực: .....



3. Số tiền vay:
    - 3.2. Bằng số: .....
    - 3.3. Bằng chữ: .....
  4. Đồng tiền vay, trả nợ: .....
  5. Hình thức vay: .....
  6. Hình thức trả nợ (trả nợ bằng tiền, bằng hàng hoá hay loại khác, ghi rõ): .....
  7. Thời hạn vay: .....(trong đó thời gian ân hạn: ..... )
  8. Lãi suất vay:
    - 8.1: Lãi suất cố định: .....
    - 8.2. Lãi suất thả nổi: Ghi rõ loại lãi suất lựa chọn, cách tính, phương thức áp dụng, lãi lẽ.....
  9. Các loại phí (phí bảo lãnh; phí bảo hiểm; phí thu xếp; phí quản lý; phí khác ghi rõ): .....
  10. Lãi phạt: .....
  11. Hình thức bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, ký quỹ, thế chấp...): .....
  12. Kế hoạch rút vốn: .....
  13. Kế hoạch trả nợ:
    - 13.1. Kế hoạch trả gốc: .....
    - 13.2. Kế hoạch trả lãi: .....
  14. Các điều kiện khác (nếu có): .....
- \* Chú ý: ghi rõ điều khoản tham chiếu tại Hợp đồng vay đối với mỗi nội dung tại phần này)*

## **PHẦN THỨ TƯ: CAM KẾT**

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Doanh nghiệp.
2. [Tên doanh nghiệp vay] cam kết tuân thủ các qui định của luật pháp Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 11 năm 2005 ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành pháp lệnh ngoại hối; các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định trên và các văn bản pháp quy khác của pháp luật có liên quan.

### **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Hồ sơ đính kèm:

-...

-...

**Phụ lục số 02.ĐGH**

**TÊN DOANH NGHIỆP**  
Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v đăng ký thay đổi khoản  
vay nước ngoài

....., ngày ..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

hoặc: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh .....

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý vay, trả nợ nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thực hiện quy chế;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định;

Căn cứ công văn số ..... ngày .../.../.... của Ngân hàng Nhà nước .... xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài;

Căn cứ vào Hợp đồng vay vốn đã ký với Bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày .../...../.....;

Doanh nghiệp có tên sau đây đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt nam/Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh ..... về việc thay đổi một số nội dung vay nước ngoài như sau:

**I/ BÊN VAY:**

1. Tên Doanh nghiệp vay : .....
2. Số, ngày của Văn bản xác nhận đăng ký vay trả nợ nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh.....:
3. Số, ngày của (các) Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh: ..... (ghi tất cả các văn bản loại này - nếu có).

**II/ NỘI DUNG THAY ĐỔI:**

(Yêu cầu ghi chi tiết từng nội dung sửa đổi theo các tiểu mục sau)

1. Thay đổi Bên cho vay:
  - Bên cho vay hiện tại: .....
  - Bên cho vay mới: .....
  - Lý do thay đổi: .....

2. Thay đổi kim ngạch:

- Kim ngạch hiện tại: .....
- Kim ngạch mới: .....
- Lý do sửa đổi: .....

3. Thay đổi về điều kiện vay (lãi suất, phí, lãi phạt, đồng tiền trả nợ, hình thức trả nợ...):

- Nội dung hiện tại: .....
- Nội dung thay đổi: .....
- Lý do sửa đổi: .....

4. Thay đổi kế hoạch rút vốn:

- Kế hoạch rút vốn hiện tại: .....
- Kế hoạch rút vốn mới: .....
- Lý do sửa đổi: .....

5. Thay đổi kế hoạch trả nợ:

- Kế hoạch trả nợ hiện tại: .....
- Kế hoạch trả nợ mới: .....
- Lý do sửa đổi: .....

6. Thay đổi Bên bảo lãnh:

- Bên bảo lãnh hiện tại: .....
- Bên bảo lãnh mới: .....
- Lý do thay đổi: .....

7. Những thay đổi khác:

- Nội dung thay đổi: .....
- Lý do thay đổi: .....

**III. KIẾN NGHỊ:**

[Tên Doanh nghiệp vay] đề nghị Ngân hàng Nhà nước... xác nhận [Tên Doanh nghiệp vay] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản vay nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước ...

**IV. CAM KẾT**

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp vay vốn ) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Doanh nghiệp.

2. [Tên doanh nghiệp vay] cam kết tuân thủ các qui định của luật pháp Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 11 năm 2005 ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành

Pháp lệnh Ngoại hối; các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định trên và các văn bản pháp quy khác của pháp luật có liên quan.

## **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên, đóng dấu)*

### ***Hồ sơ gửi kèm:***

- Thoả thuận thay đổi giữa Bên đi vay và Bên cho vay (kèm bản dịch tiếng Việt có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp);

- Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài và các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi trước đó (nếu có)

- Văn bản chấp thuận của Bên Bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài của Doanh nghiệp về những thay đổi ( trong trường hợp khoản vay được bảo lãnh).

**Phụ lục số 03.ĐGH**

**TÊN ĐƠN VỊ**  
Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ**  
**Ở NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
(Vụ Quản lý Ngoại hối)

Tên tổ chức: .....  
Tên giao dịch đối ngoại (nếu có): .....  
Trụ sở chính: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
Quyết định thành lập số: .....  
Cơ quan cấp: ..... ngày .....  
Đăng ký kinh doanh số: .....  
Cơ quan cấp: ..... ngày .....  
Lĩnh vực kinh doanh: .....  
Vốn điều lệ: .....  
Trụ sở tại nước ngoài (nếu có): .....  
Số điện thoại: ..... Fax: .....  
Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét và cấp giấy phép được mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài.  
Nơi mở tài khoản: .....  
Ngân hàng: .....  
Địa chỉ: .....  
Nước: .....  
Mục đích mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (nêu rõ lý do mở tài khoản, các nguồn thu, chi dự kiến trên tài khoản): .....  
Thời gian sử dụng tài khoản ở nước ngoài: .....  
Ngân hàng chuyển tiền Việt Nam: .....  
Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.

**GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:**

- Bản sao được chứng thực quyết định thành lập doanh nghiệp
- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Các giấy tờ liên quan khác theo quy định tại Thông tư này.

**Phụ lục số 04.ĐGH**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
(Vụ Quản lý Ngoại hối)

Tên doanh nghiệp.....

Giấy phép đầu tư số:..... cấp ngày...../...../.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Hình thức đầu tư:

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài: ...

- Doanh nghiệp liên doanh: ...

Lĩnh vực hoạt động sản xuất – kinh doanh:.....

Vốn đầu tư:.....

Trong đó: Vốn pháp định:.....

Vốn vay:.....

Công văn xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước số..... ngày...../...../.....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét và cấp giấy phép được mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài.

Mục đích mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài:.....

Nơi mở tài khoản: Nước..... Ngân hàng .....

Thời gian sử dụng tài khoản ở nước ngoài:.....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Việt Nam và các quy định trong Giấy phép cho mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)**

**Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hồ sơ gửi kèm:**

- Văn bản giải trình sự cần thiết mở tài khoản ở nước ngoài và các tài liệu chứng minh (bản tiếng nước ngoài và bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp);
- Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư ;
- Dự kiến nội dung thu, chi ngoại tệ hàng tháng trên tài khoản mở ở nước ngoài.

## Phụ lục số 05.ĐGH

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

### ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI TRẢ NGOẠI TỆ

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố .....**

Tên Tổ chức:

Trụ sở tại:

Số điện thoại:

Số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh /Giấy phép thành lập và hoạt động/ Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số:.....Cấp ngày:.....

Cơ quan cấp:

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối;

Trên cơ sở hợp đồng uỷ quyền làm đại lý chi trả ngoại tệ số.....ngày..... ký giữa (tên tổ chức kinh tế) với (tên tổ chức uỷ quyền)

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố .... Xem xét cấp Giấy chứng nhận Đăng ký đại lý chi trả ngoại tệ trên địa bàn với các nội dung sau:

STT	Tên tổ chức kinh tế	Địa chỉ	ĐT-Fax
1.	Đại lý chi trả ngoại tệ số 1		
2.	Đại lý chi trả ngoại tệ số 2		
3.	Đại lý chi trả ngoại tệ số 3		

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi trả ngoại tệ, chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

**Hồ sơ gửi kèm:**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh /Giấy phép thành lập và hoạt động/ Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận hoạt động;
- Đề án làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
- Hợp đồng nguyên tắc với nước ngoài.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**(GIÁM ĐỐC)**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 06.ĐGH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP MANG TIỀN CỦA NƯỚC CÓ**  
**CHUNG BIÊN GIỚI VÀ ĐỒNG VIỆT NAM BẰNG TIỀN MẶT RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi:

Tên tôi là: .....

Thường trú tại: .....

Số giấy thông hành (hoặc CMT biên giới): .....

Do: ..... cấp ngày: .....

Xin được mang số tiền mặt là:

- Tiền của nước chung biên giới: .....
- Đồng Việt Nam: .....

Qua cửa khẩu: .....

Lý do mang tiền: .....

Tôi xin phép Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố .....  
được mang số tiền nói trên qua biên giới và tự chịu mọi rủi ro trong việc mang  
tiền mặt.

....., ngày.....tháng..... năm.....

**Người làm đơn**  
(Ký tên)



**Phụ lục số 07.ĐGH**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP  
THU NHÂN DÂN TỆ TIỀN MẶT**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố....**

Tên doanh nghiệp: .....  
Tên giao dịch đối ngoại: .....  
Trụ sở chính tại: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy phép đầu tư) số:  
Cơ quan cấp: ..... ngày cấp: .....  
Địa điểm kinh doanh thu Nhân dân tệ tiền mặt: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố xem xét và cho phép thu Nhân dân tệ tiền mặt tại địa điểm nêu trên từ hoạt động.....

Chúng tôi xin cam kết:

- Sử dụng Nhân dân tệ thu được vào các mục đích được pháp luật nhà nước Việt Nam cho phép và tự cân đối phần tiền này để nhập khẩu hàng hoá, thanh toán dịch vụ cho nước ngoài hay bán cho ngân hàng được phép để lấy đồng Việt Nam theo đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối có liên quan.

- Không yêu cầu thực hiện chuyển đổi số Nhân dân tệ tiền mặt thu được sang ngoại tệ tự do chuyển đổi, không bán số Nhân dân tệ đó để mua ngoại tệ chuyển đổi trên thị trường tự do để nộp vào ngân hàng.

**THỦ TRƯỞNG DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 08.ĐGH**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH TỈNH....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng.....năm .....

**GIẤY PHÉP  
THU NHÂN DÂN TỆ TIỀN MẶT**  
-----

**GIÁM ĐỐC  
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ...**

- Căn cứ Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc;

- Xét hồ sơ xin cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt của ... (tên doanh nghiệp)...

1. Cho phép ... ..(tên doanh nghiệp)...

Địa chỉ: .....

Điện thoại : ..... Fax : .....

Giấy phép kinh doanh (hoặc Giấy phép đầu tư ) số.....

được thu Nhân dân tệ (CNY) tiền mặt từ hoạt động .....

2. .... (tên doanh nghiệp)..... chỉ được thu Nhân dân tệ tiền mặt theo đúng đối tượng quy định tại Điểm 1 nêu trên. Số Nhân dân tệ tiền mặt thu được sử dụng để ..... và bán cho Ngân hàng được phép kinh doanh CNY trên địa bàn tỉnh biên giới theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

3. (Đối với doanh nghiệp thu CNY tiền mặt từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài):

Khách trúng thưởng có nhu cầu mang Nhân dân tệ tiền mặt ra nước ngoài vượt mức phải khai báo Hải quan cửa khẩu, phải có giấy phép mang ngoại tệ tiền mặt do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố.... cấp. .... (tên doanh nghiệp)..... có trách nhiệm xác nhận số tiền trúng thưởng của khách để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép mang Nhân dân tệ tiền mặt ra nước ngoài.

4. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, ... (tên doanh nghiệp)... phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố .... về tình hình thu, chi Nhân dân tệ tiền mặt trong quý.

5. Giấy phép này có hiệu lực trong vòng 05 năm kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc/Giám đốc ..... (tên doanh nghiệp)... chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung trong Giấy phép này và các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của Việt Nam.

***Nơi nhận:***

- Tên doanh nghiệp;
- Vụ QLNH (để báo cáo);
- Lưu....

**GIÁM ĐỐC**

**Phụ lục số 09.ĐGH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN MANG TIỀN CỦA NƯỚC**  
**CÓ CHUNG BIÊN GIỚI VÀO CÁC TỈNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố....

Tên tôi là:.....Sinh ngày: .....

Số giấy thông hành (hoặc CMT biên giới): .....

Do: ..... cấp ngày: .....

Tôi có số tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt là:

Bằng số: .....

Bằng chữ: .....

Tôi đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố  
..... chấp thuận cho tôi được mang số tiền trên vào các tỉnh nội địa  
để sử dụng vào mục đích: .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong việc mang và  
sử dụng số tiền nói trên.

**Người làm giấy đề nghị**  
*(ký và ghi đầy đủ họ tên)*

**Phụ lục số 10.ĐGH**

**TÊN TCTD, DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ**  
**VÀ TIỀN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)**  
**hoặc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố .....**

Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Giấy phép kinh doanh số..... ngày.....

Giấy phép tiếp nhận của nước đầu tư số..... ngày.....

Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....

- Tổng vốn đầu tư:.....

- Vốn pháp định:.....

- Trong đó bên Việt Nam góp:

+ Bằng tiền:.....

+ Bằng tài sản (máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu.....):.....

Chúng tôi làm đơn này đề nghị quý Ngân hàng xác nhận về việc đăng ký tài khoản ngoại tệ và tiền độ chuyển vốn để thực hiện dự án đầu tư tại nước..... như sau:

TT	Thời gian chuyển vốn	Bằng tiền (Quy USD)	Bằng tài sản (Quy USD)
1	Quý..... năm.....		
2	Quý..... năm.....		
....			

Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản ngoại tệ số..... mở tại Ngân hàng.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài.

**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)**  
**TCTD, DOANH NGHIỆP**

**Phụ lục số 11.ĐGH**

**TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤP PHÉP  
NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố .....**

Tên Tổ chức kinh tế: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh /Giấy phép Đầu tư/Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số:..... Cấp ngày: .....

Cơ quan cấp : .....

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối;

Trên cơ sở hợp đồng số .... ngày .... tháng .... năm .... ký giữa (tên tổ chức kinh tế) với (tên đối tác nước ngoài) để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước.

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố ..... xem xét cấp Giấy phép nhận và chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm sau:

STT	Địa chỉ	ĐT-Fax
1.		
2.		
3.		

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi trả ngoại tệ, chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
(GIÁM ĐỐC)**